

Số: 23/2023/QĐST-HNGĐ

Nam Đông, ngày 26 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật hôn N và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị LT, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 13 TT, TDP 2, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh TTH.

- Anh Đoàn Ngọc N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 6/41 NTT, phường TH, TPH, TTH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Quá trình vận động hòa giải, chị T và anh N thống nhất thuận tình ly hôn và không yêu cầu đoàn tụ vợ chồng; Tòa án N dân huyện Nam Đông đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 18/5/2023. Chị T đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự theo thỏa thuận giữa chị với anh N. Do đó, đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị T và anh N được Tòa án N dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

- Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 27 tháng 02 năm 2019 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2019). Hôn

N trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn N hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị Linh và anh N thừa nhận nguyên N phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên dẫn đến cuộc sống hôn N không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, khuyên bảo NH giữa hai vợ chồng cũng không tự hàn gắn để chung sống với nhau. Từ những nguyên N trên, vợ chồng quyết định mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2020 đến nay, không ai quan T gì đến nhau. Xét thấy, chị T và anh N tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn N không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn N và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N có 01 người con chung là cháu Đoàn Thanh H, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2019. Chị T và anh N đã thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Đoàn Ngọc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đoàn Thanh H trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó cần áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn N và gia đình để chấp nhận thỏa thuận của các bên về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Đoàn Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ chung: Chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N đều trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn N: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị LT, sinh năm: 1991 và anh Đoàn Ngọc N, sinh năm: 1991.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Thanh H, sinh ngày 03 tháng 12 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị LT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đoàn Ngọc N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/một tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đoàn Thanh H đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Đoàn Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị LT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đoàn Ngọc N chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh N còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ chung: Chị Nguyễn Thị LT và anh Đoàn Ngọc N khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị LT tự nguyện chịu nH được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị T đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002668 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát N dân huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mạnh

